

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2012/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 04 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển
nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 3 về một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012 - 2015;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 69/TTr-SNN-KHTC ngày 16/01/2012, của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 83/BCTĐ-STP ngày 02/02/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định: "Một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012 - 2015".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: số 10/2010/QĐ-UBND ngày 20/01/2010; số 2891/QĐ-UBND ngày 25/7/2011.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đình Viết Hồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
**MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP,
NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2012 - 2015**
*(Kèm theo Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 04/02/2012
của UBND tỉnh Nghệ An)*

Chương I
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 1. Giống Lúa lai (áp dụng cho tất cả các vụ sản xuất trong năm):

1. Hỗ trợ 70% giá giống Lúa lai cho các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, các xã: Tri Lễ, Nậm Nhoóng, Nậm Giải, Hạnh Dịch, Đồng Văn, Thông Thụ (thuộc huyện Quế Phong) và các xã: Bình Chuẩn, Châu Khê, Môn Sơn (thuộc huyện Con Cuông). Định mức giống 32 kg/ha.

2. Hỗ trợ 50% giá giống Lúa lai cho các xã, bản miền núi khu vực III, các xã, bản miền núi khu vực II thuộc Chương trình 135 của các huyện: Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp và các xã còn lại của huyện Quế Phong, Con Cuông. Định mức giống 32 kg/ha.

Điều 2. Giống Ngô lai (áp dụng cho tất cả các vụ sản xuất trong năm):

1. Trợ giá 70% giá giống Ngô lai cho các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương và các xã: Tri Lễ, Nậm Nhoóng, Nậm Giải, Hạnh Dịch, Đồng Văn, Thông Thụ (thuộc huyện Quế Phong) và các xã: Bình Chuẩn, Châu Khê, Môn Sơn (thuộc huyện Con Cuông). Định mức giống 20 kg/ha;

2. Trợ giá 50% giá giống Ngô lai cho các xã, bản miền núi khu vực III và các xã, bản khu vực II thuộc Chương trình 135 của các huyện: Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp và các xã còn lại của các huyện: Quế Phong, Con Cuông. Định mức giống 20 kg/ha.

Điều 3. Hỗ trợ sản xuất Ngô vụ Đông

1. Những diện tích Ngô đã gieo bị ngập lụt hồng, nông dân đã gieo lại, được ngân sách cấp 100% tiền giống;

2. Các huyện đồng bằng, miền núi thấp và các xã miền núi thuộc khu vực I, khu vực II của các huyện: Quỳnh Hợp và Quỳnh Châu được hỗ trợ 30% giá giống. Định mức giống 20 kg/ha;

3. Khen thưởng: Huyện có diện tích ngô vụ Đông cao hơn kế hoạch tỉnh giao 300 ha được xét thưởng 5 triệu đồng và cứ vượt thêm 100 ha được xét thưởng thêm 1 triệu đồng.

Điều 4. Cây Lạc

1. Đối với vụ Thu - Đông:

a) Hỗ trợ 50% giá giống lạc nguyên chủng, với định mức không quá 240 kg/ha. Hàng năm, giao Sở Nông nghiệp và PTNT phân khai kế hoạch để các địa phương thực hiện, nhưng diện tích được hỗ trợ không quá 1.000 ha/năm.

b) Hỗ trợ nilon tủ luống với mức 10.000 đồng/kg nilon tấm mỏng 0,007mm, màu trắng trong. Định mức 100 kg/ha;

c) Hỗ trợ thuốc diệt cỏ với mức 100.000 đồng/ha cho diện tích lạc phủ nilon. Định mức, chủng loại do Sở Nông nghiệp và PTNT quy định;

d) Khen thưởng: Huyện có diện tích Lạc Thu - Đông cao hơn kế hoạch tỉnh giao 150 ha được xét thưởng 05 triệu đồng và cứ vượt thêm 50 ha được thưởng thêm 01 triệu đồng.

2. Đối với vụ Xuân:

a) Hỗ trợ nilon tủ luống với mức 8.000 đồng/kg nilon tấm mỏng 0,007mm, màu trắng trong. Định mức 100 kg/ha;

b) Hỗ trợ thuốc diệt cỏ với mức 100.000 đồng/ha cho diện tích lạc phủ nilon. Định mức, chủng loại do Sở Nông nghiệp và PTNT quy định.

Điều 5. Cây Chè

1. Hỗ trợ 1.500 đồng/bầu giống chè Tuyết Shan, với mật độ trồng 3.300 bầu/ha;

2. Hỗ trợ giống chè LDP1, LDP2, chè chất lượng cao với mức 400 đồng/bầu đối với các huyện: Con Cuông, Quế Phong và mức 200 đồng/bầu đối với các huyện còn lại. Mật độ trồng: 16.000 bầu/ha;

3. Hỗ trợ chi phí làm đất trồng mới chè công nghiệp giống LDP1, LDP2, chè chất lượng cao, chè Tuyết Shan với mức 5.000.000 đồng/ha đối với các huyện: Con Cuông, Quế Phong, Kỳ Sơn và mức 2.000.000 đồng/ha đối với các huyện còn lại.

Điều 6. Cây Cam

Hỗ trợ 4.000 đồng/bầu Cam giống mới có năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh (loại được sản xuất trong túi PE), với mật độ trồng 650 cây/ha. Giống Cam mới do Sở Nông nghiệp và PTNT quy định.

Điều 7. Phát triển nguyên liệu cho các làng nghề nông thôn**1. Cây Mây nguyên liệu**

a) Hỗ trợ 50% giá giống để trồng mới Mây nguyên liệu.

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến.

2. Cây Dâu tằm

a) Trợ giá 100 đồng/cây giống dâu (hoặc hom) để trồng mới đối với các giống nhập nội từ Trung Quốc, gồm: Dâu Sa Nhị Luân và các giống dâu Việt Nam đa bội thể số 7, số 12, giống dâu lai VH9, VH15, VH13... Mật độ trồng: Đối với

Dâu trồng bằng cây giống là 4,8 vạn cây/ha (kể cả trồng dặm); Dâu trồng bằng hom là 7,2 vạn hom/ha.

b) Hỗ trợ 05 triệu đồng/ha để xây dựng một số mô hình trồng Dâu nuôi tằm: 1 - 2 mô hình/huyện. Mỗi mô hình 2 - 3 ha.

Điều 8. Sản xuất Muối

1. Hỗ trợ 01 triệu đồng khi xây dựng bộ chạt lọc cải tiến để thay chạt lọc cũ.

2. Hỗ trợ bạt nhựa nilon trải ô kết tinh, với mức 03 triệu đồng/đơn vị sản xuất muối (60m²).

Điều 9. Máy cày đa chức năng, máy gặt, máy cấy

1. Hỗ trợ mua máy cày đa chức năng công suất từ 8CV – 30CV và máy công tác kèm theo (bánh lồng, phay, cày lưỡi hoặc cày đĩa, bừa, vét bờ, bơm nước, rơ moóc):

- Cấp bù lãi suất cho 2/3 giá trị máy hoàn chỉnh trong thời gian 36 tháng đối với các huyện, xã đồng bằng;

- Hỗ trợ 20% giá trị máy hoàn chỉnh và cấp bù lãi suất cho 80% giá trị máy hoàn chỉnh còn lại trong thời gian 36 tháng đối với các huyện, xã miền núi;

2. Hỗ trợ 20% giá trị máy gặt, máy cấy và cấp bù lãi suất trong 24 tháng của 80% giá trị máy còn lại;

3. Hỗ trợ kinh phí tập huấn, quản lý sử dụng máy cày, máy gặt, máy cấy theo dự toán được duyệt.

Điều 10. Chăn nuôi lợn ngoại có quy mô 30 con trở lên

1. Hỗ trợ 650.000 đồng/con lợn cái hậu bị cấp ông bà, bố mẹ có trọng lượng bình quân 60 kg/con;

2. Trợ giá lợn đực giống ngoại (trọng lượng lợn đực giống hậu bị trên 70 kg/con), với chỉ tiêu 30 con lợn nái trở lên được bố trí 01 con lợn đực cho trang trại đủ tiêu chuẩn sản xuất giống cấp ông bà, bố mẹ. Mức hỗ trợ tương ứng 1,5 triệu đồng/con;

3. Hỗ trợ 50% giá lợn đực giống ngoại để thay thế, bổ sung đàn lợn đực giống tại các đơn vị thụ tinh nhân tạo của tỉnh. Trọng lượng lợn đực giống bình quân 100 kg/con. Số lợn đực bổ sung đàn được ghi kế hoạch đầu năm.

Điều 11. Tạo giống bò, cải tiến giống trâu

1. Cấp 100% chi phí: Tinh trâu, tinh bò sữa, tinh bò giống hướng thịt: Zêbu, Brahman; vật tư phối giống và hỗ trợ 50.000 đồng/con có chữa, bao gồm tiền công: Phối giống, kiểm tra trâu hoặc bò có chữa;

2. Hỗ trợ 60% giá trị trâu đực giống ngoại vùng (cách tối thiểu 50 km), bò đực giống lai hướng thịt (về đến địa phương), để phối giống trực tiếp cho trâu cái ở các vùng quy hoạch, bò cái tại địa phương đối với các huyện, xã miền núi không có điều

kiện thực hiện phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Định mức: 30 - 50 con trâu, bò cái sinh sản được bố trí 01 con trâu hoặc bò đực giống. Riêng các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong hỗ trợ 80% giá trị trâu đực giống ngoài vùng, bò đực giống lai hướng thịt (về đến địa phương), với định mức: 25 - 30 con trâu hoặc bò cái sinh sản được bố trí 01 con trâu hoặc bò đực giống.

Điều 12. Chăn nuôi trâu, bò hàng hoá

1. Hỗ trợ lãi suất tối đa 12 tháng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT cho số tiền vay bình quân 04 triệu đồng/con để mua 01 con trâu, bò tạo hàng hoá. Ngân sách trả lãi suất tiền vay qua Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT;

2. Hỗ trợ 100.000 đồng/con trâu, bò đực giống chất lượng kém bị thiếu bằng kim bấm và hỗ trợ 50.000 đồng/con tiền công thiếu cho cán bộ thực hiện.

Điều 13. Trợ giá giống gốc

Hàng năm ngân sách tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên cho Trung tâm Giống chăn nuôi để thực hiện chương trình trợ giá giống gốc theo Thông tư số 148/2007/TTLB/BTC-BNN&PTNT của Liên Bộ: Tài chính - Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi, cho các đối tượng sau: Lợn Móng Cái; Lợn giống ngoại cấp ông bà; Bò vàng, bò sữa giống HF thuần; Vịt bầu Quý, gà Ác, lợn Mường Khương, bò H'Mông.

Điều 14. Tiêm phòng gia súc miền núi

Cấp 100% các loại vacxin tiêm phòng gia súc đối với các xã, bản miền núi khu vực III và khu vực II;

Điều 15. Hỗ trợ gia súc, gia cầm bị rủi ro sau tiêm phòng (bị phản ứng do tiêm phòng vacxin gây chết)

Hỗ trợ 100% tiền đền bù gia súc, gia cầm bị rủi ro (chết) do tiêm phòng vacxin theo giá thị trường tại thời điểm xảy ra rủi ro (trong định mức quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Điều 16. Kiên cố hoá kênh mương loại III

1. Hỗ trợ 30% giá trị công trình kiên cố kênh mương đối với các huyện miền núi thấp cho khu vực tưới có 10 ha trở lên;

2. Hỗ trợ 80% giá trị công trình cho khu vực tưới có 05 ha trở lên đối với 5 huyện miền núi cao;

3. Khi lập dự toán công trình không tính giá trị thu nhập chịu thuế tính trước, khuyến khích áp dụng thiết kế định hình ở những nơi có điều kiện, các khoản chi phí khảo sát, lập thiết kế dự toán chỉ tính bằng 50% mức quy định, thuế VAT chỉ tính trên giá trị vật liệu xây dựng công trình.

Điều 17. Tưới cho cây công nghiệp: Chè, Cà phê, Mía; Cây ăn quả: Cam, Dứa và Cỏ trồng tập trung

1. Hỗ trợ 40% giá trị công trình được quyết toán do cấp có thẩm quyền phê duyệt (thiết bị và vật tư) tưới nhỏ lẻ cho cây công nghiệp (chè, cà phê, mía), cây ăn quả (cam, dứa) và cỏ trồng tập trung có quy mô 01 ha trở lên làm thức ăn chăn nuôi như: Giếng đào, giếng khoan, máy bơm nhỏ di động, ống tưới PVC hoặc bằng cao su;

2. Hỗ trợ 40% giá trị công trình nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng cho 01 hồ đập nhỏ có dung tích từ 30.000 m³ đến 70.000 m³ nằm trong vùng quy hoạch phát triển cây công nghiệp (chè, cà phê, mía), cây ăn quả (cam, dứa) để tạo nguồn nước tưới và giữ ẩm. Số lượng hồ đập nhỏ được UBND tỉnh giao kế hoạch hàng năm cho các địa phương, đơn vị.

Điều 18. Nuôi trồng Thủy sản mặn lợ

1. Đối với những hộ nuôi tôm Sú và tôm He chân trắng thương phẩm công nghiệp bị bệnh virus đốm trắng và bệnh Taura được hỗ trợ hoá chất để xử lý dịch bệnh tôm, nếu khi tôm bị bệnh chủ hộ đã tuân thủ quy trình dập dịch của các cơ quan có thẩm quyền về phòng chống dịch bệnh thủy sản;

2. Đối với tôm Sú và tôm He chân trắng bố mẹ bị dịch bệnh phải tiêu hủy được hỗ trợ 30% tiền giá giống tại thời điểm.

Điều 19. Nuôi trồng Thủy sản nước ngọt

Hỗ trợ 01 lần đối với diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi (ngoài vùng dự án quy hoạch nuôi trồng thủy sản tập trung) từ trồng lúa (ngoài diện tích quy hoạch trồng lúa nước được phê duyệt), trồng màu, làm muối kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản với mức hỗ trợ 1,5 triệu đồng/ha.

Điều 20. Nuôi cá lồng trên sông, hồ nước lớn

1. Các huyện, xã miền núi thuộc khu vực III được hỗ trợ 6,0 triệu đồng/lồng (loại lồng 15m³ trở lên);

2. Các huyện, xã miền núi thuộc khu vực II được hỗ trợ 4,0 triệu đồng/lồng (loại lồng 15m³ trở lên);

3. Các huyện, xã miền núi thuộc khu vực I được hỗ trợ 2,5 triệu đồng/lồng (loại lồng 15m³ trở lên);

4. Các huyện, xã đồng bằng được hỗ trợ 2,0 triệu đồng/lồng (loại lồng 15m³ trở lên).

Điều 21. Chính sách nuôi ngao Bến Tre

Hỗ trợ 01 lần 20% tiền mua giống ngao Bến Tre cho các hộ nuôi tập trung thâm canh trong vùng quy hoạch, với mật độ thả 100 – 150 con/m².

Điều 22. Hỗ trợ các Trại sản xuất giống Thủy sản

1. Hỗ trợ Trại sản xuất giống tôm mới phát triển để mua sắm thiết bị với mức 10 triệu đồng/1 triệu con giống, với quy mô mỗi trại không quá 10 triệu con;

2. Trại sản xuất giống cá rô phi đơn tính mới xây dựng với công suất mỗi trại từ 01 triệu con cá giống 21 ngày tuổi trở lên được hỗ trợ không quá 45 triệu đồng/trại;

3. Hỗ trợ 01 lần cho Trại sản xuất giống Cua mới xây dựng với quy mô 5 vạn con/trại trở lên được hỗ trợ 15 triệu đồng/trại;

4. Hỗ trợ một lần 10 triệu đồng để mua sắm vật tư, trang thiết bị, cua giống bố mẹ đối với mô hình sản xuất cua giống quy mô từ 05 vạn con trở lên/trại, kết hợp tôm giống.

5. Hỗ trợ 01 lần cho một Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ mới xây dựng mức 10 triệu đồng và Trại sản xuất giống thủy sản nước ngọt mức 05 triệu đồng để đào tạo, chuyển giao công nghệ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản;

Điều 23. Trợ giá cá giống cho các huyện miền núi

1. Hàng năm tỉnh trích một phần ngân sách để trợ giá cá giống lên miền núi của tỉnh, cụ thể như sau:

a) Đối với các xã miền núi khu vực III, mức trợ giá giống 70%;

b) Đối với các xã miền núi khu vực II, mức trợ giá giống 60%;

c) Đối với các xã miền núi khu vực I, mức trợ giá giống 50%.

2. Bên cạnh những đơn vị được giao nhiệm vụ trợ giá lên các huyện miền núi, những huyện có Trại giống cấp 2 đủ tiêu chuẩn được tham gia chương trình để cung ứng giống tại chỗ cho các hộ nuôi để giảm chi phí vận chuyển, hạ giá thành con giống.

Điều 24. Hỗ trợ khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản

1. Ngân sách hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình để thực hiện chuyển đổi nghề nghiệp khai thác hải sản từ vùng lộng ra vùng khơi, với mức 50% tổng kinh phí, nhưng không quá 125 triệu đồng/mô hình;

2. Ngân sách hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng và thuyền viên tàu đánh cá;

3. Ngân sách hỗ trợ lãi suất sau đầu tư thời gian 12 tháng đối với hộ ngư dân đóng mới tàu khai thác thủy sản vùng khơi có công suất từ 90 CV trở lên với các mức như sau:

a) Hỗ trợ 3,0 triệu đồng/tháng đối với tàu có công suất từ 90CV - 250CV;

b) Hỗ trợ 4,0 triệu đồng/tháng đối với tàu có công suất từ 250CV - 400CV;

c) Hỗ trợ 4,5 triệu đồng/tháng đối với tàu có công suất trên 400CV.

4. Để bảo đảm thông tin trên biển, đặc biệt là công tác phòng chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ cho ngư dân thành lập tổ hợp tác khai thác thủy sản trên biển như sau:

a) Hỗ trợ 01 máy thông tin tầm xa có tích hợp vệ tinh cho mỗi tổ hợp tác (từ 5-7 tàu/tổ) gồm các loại tàu có công suất từ 90 CV trở lên. Máy thông tin phải thực hiện theo quy định về quản lý thông tin trên biển của tỉnh.

b) Trang bị máy thông tin tầm xa tại các huyện, thị, các xã nghề cá trọng điểm ven biển để quản lý tàu thuyền.

5. Hỗ trợ cho mỗi lao động đi khai thác thủy sản trên biển thuộc đối tượng ngư dân nghèo và gia đình chính sách một bộ phao cứu sinh.

6. Hỗ trợ 50% kinh phí mua bảo hiểm thuyền viên thuộc hộ nghèo, chính sách tham gia đánh bắt thủy sản ngoài khơi trên tàu từ 90CV trở lên.

7. Khi các ngư dân thành lập 01 tổ hợp tác khai thác thủy sản trên biển, đã được UBND xã, phường, thị trấn sở tại xác nhận, được hỗ trợ 10 triệu đồng.

Điều 25. Bảo vệ quỹ gen, giống gốc, phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Hàng năm cấp kinh phí cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản để mua các giống tôm, giống cá và các loài thủy sản quý hiếm khác thả ra sông, ra biển, các hồ nước lớn có diện tích trên 50 ha.

2. Hàng năm cấp kinh phí cho Trung tâm Giống thủy sản để thay thế 10% đàn cá bố mẹ hiện có gồm kinh phí mua, vận chuyển, nuôi dưỡng và sản xuất giống quý hiếm, giống mới.

Điều 26. Chính sách khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật để sản xuất theo công nghệ cao

1. Xây dựng cánh đồng mẫu:

a) Đối tượng, quy mô (diện tích tối thiểu, liền kề):

- Cây lúa, ngô, lạc: 30 ha.
- Cây Cam: 02 ha.
- Cây Cao su, chè: 10 ha.
- Rau các loại: 05 ha.
- Nuôi tôm thẻ: 05 ha.
- Nuôi ngao: 20 ha.
- Trồng rừng bằng giống nuôi cấy mô: 10 ha.

b) Chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí hội thảo đầu bờ, tập huấn, tuyên truyền, tham quan học tập, với mức 15 triệu đồng/cánh đồng mẫu;

- Hỗ trợ 30% giá các loại vật tư chủ yếu như: Phân bón, thuốc xử lý, chế phẩm sinh học (trừ chế phẩm compos maketr đã có chính sách hỗ trợ), để đầu tư đủ quy trình sản xuất hiện hành.

2. Nhân rộng cánh đồng mẫu

a) Thời gian:

- Đối với cây nông nghiệp ngắn ngày, nuôi trồng thủy sản phải qua 02 vụ sản xuất liên tiếp để đánh giá hiệu quả;

- Cây lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả lâu năm sau 02 năm liên tiếp phải đánh giá hiệu quả;

b) Quy mô: Phải đạt tối thiểu gấp 3 - 5 lần quy mô cánh đồng mẫu.

c) Chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, hội thảo đầu bờ, tham quan học tập, khuyến cáo, tập huấn khuyến nông cho người sản xuất, với mức 20 triệu/cánh đồng mẫu

- Hỗ trợ chế phẩm sinh học, thuốc BVTV, thuốc thú y để xử lý khi có dịch bệnh xảy ra, với mức tối đa không quá 01 triệu đồng/ha;

Điều 27. Chính sách hỗ trợ mua bản quyền tác giả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ

Hỗ trợ 40% giá trị mua bản quyền tác giả các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến được áp dụng vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao tại Nghệ An. Các danh mục về bản quyền tác giả tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến được mua do Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, trình UBND tỉnh quyết định trước khi thực hiện.

Điều 28. Chính sách hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế có hiệu quả tại các huyện miền núi để tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo

1. Xây dựng mô hình kinh tế

a) Đối tượng, quy mô:

- Sản xuất cây hàng năm, cây công nghiệp ngắn ngày như: Khoai sọ, gừng, chanh leo, chuối tiêu hồng, gấc cao sản, bí xanh, cây hương bài, trồng cỏ phục vụ chăn nuôi, mô hình thâm canh lúa lai, ngô lai, lạc, rau an toàn, hoa lyli, cây dược liệu dưới tán rừng. Quy mô: 1 - 2 ha/mô hình.

- Sản xuất cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả: Cam, quýt, bưởi, dứa. Quy mô: 2 - 3 ha/mô hình.

- Sản xuất cây lâm nghiệp: Cây pic niêng, mét, mô hình cải tạo rừng nghèo kiệt thành rừng giàu, chuyển đổi canh tác nương rẫy sang canh tác nông, lâm kết hợp. Quy mô: 3 - 5 ha/mô hình.

- Chăn nuôi: Số con thường xuyên/mô hình phải đạt mức tối thiểu đối với từng loại con như sau: Lợn rừng, lợn đen: 30 con trở lên; nhím: 3 cặp; gà đen, vịt bầu Quý: 200 con

- Nuôi cá lồng trên sông, hồ.

b) Chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí tập huấn, hội thảo đầu bờ, tuyên truyền với mức 10 triệu đồng/mô hình.

- Hỗ trợ giống với mức: 50% đối với các huyện, xã miền núi khu vực I và khu vực II, 80% đối với các xã miền núi khu vực III;

- Hỗ trợ 50% chi phí vật tư chủ yếu: phân bón, chế phẩm sinh học.

Hàng năm các huyện, thị, các đơn vị căn cứ điều kiện thực tế của địa phương lựa chọn tối đa 2 - 3 mô hình có hiệu quả nhất để thực hiện.

2. Nhân rộng mô hình kinh tế

a) Thời gian:

- Đối với cây hàng năm: Sau 02 năm xây dựng mô hình.

- Đối với cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, rừng nguyên liệu: Sau 01 chu kỳ sản xuất tạo mô hình;

- Mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: Sau 02 năm xây dựng mô hình.

b) Quy mô: Phải đạt tối thiểu gấp 04 lần quy mô mô hình đã được xây dựng có hiệu quả.

c) Chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, hội thảo đầu bờ, với mức 20 triệu đồng/mô hình.

- Hỗ trợ 30% giá các loại vật tư, phân bón chủ yếu.

Điều 29. Chính sách phát triển Hợp tác xã nông nghiệp

1. Khi thành lập mới 01 Hợp tác xã sản xuất, dịch vụ nông nghiệp, diêm nghiệp đã đại hội xã viên, có phương án sản xuất kinh doanh, có giấy phép kinh doanh do UBND huyện, thành, thị (hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư) cấp, được hỗ trợ 20 triệu đồng.

2. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, các Hợp tác xã được lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án trong vùng; đồng thời được hưởng các chính sách quy định tại Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển Hợp tác xã.

Điều 30. Các chính sách: Phát triển ngành nghề nông thôn, Hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, Hỗ trợ Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Thuỷ lợi phí thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Trách nhiệm của các địa phương, đơn vị là chủ đầu tư nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư theo chính sách

1. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện các chính sách: Trợ giá các loại giống: Lúa lai, Ngô lai, ngô vụ Đông, Lạc, Cam; phát triển vùng nguyên liệu Chè; rừng nguyên liệu; kiên cố hóa kênh mương loại III; Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; tưới cho cây công nghiệp dài ngày, tưới cho cây ăn quả; phát triển chăn nuôi trâu, bò hàng hoá; nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nuôi cá lồng trên sông, hồ nước lớn; nuôi ngao Bến Tre; miễn thủy lợi phí; phát triển ngành nghề nông thôn; chính sách khuyến khích ứng dụng các tiến bộ KHKT để sản xuất theo công nghệ cao; Xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế có hiệu quả; chính sách trợ giá ni lông tủ lạt.

2. Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên: Nông, Lâm nghiệp; Trưởng các Ban quản lý rừng phòng hộ; Tổng đội trưởng các Tổng đội TNXP-XDKT; Giám đốc các dự án phát triển nguyên liệu thực hiện các chính sách: Phát triển vùng nguyên liệu Chè; Trợ giá giống cam; rừng nguyên liệu; chính sách tưới cho cây công nghiệp dài ngày, tưới cho cây ăn quả; chính sách khuyến khích ứng dụng các tiến bộ KHKT để sản xuất theo công nghệ cao; xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế có hiệu quả; chính sách mua bản quyền tác giả tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến được áp dụng vào sản xuất nông, lâm, thủy sản... thuộc phạm vi quản lý.

3. Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ thực vật thực hiện chính sách hỗ trợ thuốc trừ cỏ cho cây Lạc.

4. Giám đốc các Công ty có đủ điều kiện tổ chức thực hiện chính sách trợ giá máy cày đa chức năng và máy công tác kèm theo, máy gặt, máy cấy và tập huấn bảo trì, sử dụng máy nông nghiệp.

5. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tạo nguồn vốn cho các hộ dân vay theo định mức để mua máy cày đa chức năng và máy công tác kèm theo, máy gặt, máy cấy, mua trâu, bò làm hàng hoá và thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất máy nông nghiệp.

6. Giám đốc các Công ty, chủ nhiệm các Hợp tác xã sản xuất, chế biến hàng thủ công mỹ nghệ cần nguyên liệu mây, dâu tằm làm chủ đầu tư thực hiện chính sách phát triển vùng nguyên liệu mây, dâu tằm và hỗ trợ tập huấn, chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến để phát triển các làng nghề nông thôn.

7. Giám đốc Trung tâm Giống chăn nuôi thực hiện chính sách: Phát triển chăn nuôi lợn ngoại; tạo giống bò, cải tiến giống trâu; trợ giá giống gốc chăn nuôi.

8. Chi cục trưởng Chi cục Thú y thực hiện chính sách: Tiêm phòng gia súc miền núi; chính sách hỗ trợ thú y thủy sản; Hỗ trợ gia súc, gia cầm bị rủi ro do tiêm phòng vacxin.

9. Chi cục trưởng Chi cục Nuôi trồng thủy sản thực hiện chính sách hỗ trợ tôm giống bố mẹ khi bị dịch bệnh, hỗ trợ thiết bị, chuyên gia trại giống.

10. Giám đốc Trung tâm Giống thủy sản và các Trạm, Trại sản xuất cá giống thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất giống thủy sản; chính sách trợ giá cá giống cho các huyện miền núi; chính sách bảo tồn quỹ gen, giống gốc thủy sản.

11. Chi cục trưởng Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thực hiện các chính sách: Hỗ trợ phao cứu sinh; bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; đào tạo thuyền, máy trưởng, thuyền viên tàu cá; xây dựng mô hình chuyển đổi khai thác thủy sản từ vùng lộng sang vùng khơi và sang các ngành nghề khác; bảo tồn quỹ gen, tái tạo nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ lãi suất đóng mới tàu khai thác hải sản có công suất 90CV trở lên, hỗ trợ máy thông tin, thành lập tổ hợp tác khai thác thủy sản trên biển, hỗ trợ mua bảo hiểm thuyền viên thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách tham gia đánh bắt thủy sản trên tàu 90CV;

12. Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi thẩm định kế hoạch sửa chữa công trình, kiên cố hoá kênh mương, tưới, tiêu, chính sách miễn thủy lợi phí và đơn đốc kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các chính sách này.

13. Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn thực hiện chính sách phát triển Hợp tác xã: Nông, lâm, thủy lợi, đánh bắt thủy sản ngoài khơi; chính sách sản xuất muối.

14. Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tổng hợp kế hoạch yêu cầu đầu tư hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định và phê duyệt làm cơ sở thực hiện và đơn đốc kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách này.

Căn cứ các quy định tại Quyết định này, các địa phương, đơn vị lập kế hoạch thực hiện các chính sách gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài chính trước ngày 15/8 hàng năm để kiểm tra, tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định. Đồng thời, căn cứ kế hoạch được giao, tổ chức thực hiện các chính sách, tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định.

Điều 32. Trách nhiệm các Sở liên quan

1. Sở Nông nghiệp và PTNT:

a) Phối hợp với Sở Tài chính để lập kế hoạch kinh phí hỗ trợ đầu tư theo Quyết định này hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Tham gia với Sở Tài chính thẩm định giá các loại giống cây, con, vật tư, thiết bị... để thực hiện chính sách;

c) Tham gia với Sở Tài chính trong việc thẩm tra quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước;

d) Thẩm định, phê duyệt các hồ sơ thủ tục theo quy định (thiết kế kỹ thuật - dự toán các loại vật tư, thiết bị, giống cây, con các loại)

e) Tổ chức chỉ đạo về chuyên môn, kỹ thuật và kiểm tra hồ sơ kết quả việc thực hiện chính sách trước khi thu hoạch đối với cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày, sau trồng mới đối với cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả của các địa phương báo cáo để đủ thủ tục chi tiền thực hiện chính sách;

f) Hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện chính sách của các địa phương, đơn vị. Đánh giá những ưu điểm, tồn tại hạn chế và đề xuất các biện pháp chỉ đạo của năm tiếp theo, báo cáo UBND tỉnh vào cuối tháng 11.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì trong việc lập kế hoạch kinh phí hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn theo kế hoạch hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;

b) Căn cứ dự toán ngân sách đã được UBND tỉnh phê duyệt, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT cấp ứng kịp thời kinh phí cho các địa phương, đơn vị theo đúng quy định;

c) Thẩm định, phê duyệt, thông báo giá các loại giống cây, giống con, vật tư, thiết bị... làm căn cứ cho việc thanh quyết toán các chính sách hỗ trợ;

d) Thẩm tra quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 33. Hàng năm, ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí quản lý, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh liên quan, UBND các huyện, thành, thị trong việc, chỉ đạo, kiểm tra, phúc tra đối với các Chủ đầu tư thực hiện các chính sách này.

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính ban hành hướng dẫn liên ngành thực hiện Quyết định này;

2. Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn, vướng mắc các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành, thị, các đơn vị báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh (Qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đình Viết Hồng